

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/01/2023

V/v tranh chấp: “ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Tiến và bà Đỗ Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 171/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chế Thị H- sinh năm: 1989;

ĐKTT: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn H– sinh năm: 1988;

Trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2022, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Chế Thị H trình bày:

Chị H và anh H tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 08/07/2019 tại UBND xã X (nay là xã A), huyện T, tỉnh Phú Yên.

Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống bình thường. Sống chung đến năm đầu 2022 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vì bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau dẫn đến việc vợ chồng cãi nhau thường xuyên, mâu thuẫn về tài chính, tiền bạc, anh H sống không có trách nhiệm với gia đình, không đưa tiền để

nuôi con. Cả hai cũng đã cố gắng tìm cách khắc phục để duy trì hôn nhân nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung, không có biện pháp để hàn gắn hôn nhân. Chị H và anh H đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả hai không ai quan tâm đến ai, cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ về sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị H và anh H có 01 con chung là Nguyễn Quốc H– sinh ngày 02/02/2020, hiện cháu H do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Tại phiên hòa giải, chị H yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), tại phiên tòa chị H yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cấp dưỡng từ tháng 01/2023 cho đến khi cháu H đủ tuổi trưởng thành vì cho rằng anh H đang làm bảo vệ cho công ty lương mỗi tháng 10.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản hòa giải và lời khai có tại hồ sơ bị đơn anh Nguyễn Tấn H trình bày: Anh H thống nhất với lời trình bày của chị H về quá trình chung sống và mâu thuẫn trong hôn nhân. Anh H và chị H sống ly thân đã lâu, cảm thấy không thể nào quay lại sống chung nên anh H đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quốc H– sinh ngày 02/02/2020, hiện cháu H do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn anh H thống nhất giao cháu H cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ như yêu cầu của chị H tại phiên hòa giải. Anh H chỉ đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ vì lý do hiện tại anh H làm nghề tự do, ai thuê gì làm nấy, thu nhập mỗi ngày trung bình chỉ từ 100.000đ- 150.000đ nên anh H không đủ tiền để cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh H; về con chung: chị H xin được nuôi dưỡng cháu H, yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; Về con

chung: Giao cháu Nguyễn Quốc H– sinh ngày 02/02/2020 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng; Anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu H 1.500.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2023 đến khi có một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Chế Thị H khởi kiện anh Nguyễn Tấn H trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc “Ly hôn”. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Tấn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chế Thị H và anh Nguyễn Tấn H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã X (nay là xã A), huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 08/7/2019 nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

HĐXX xét thấy: Chị H và anh H đã không còn sống chung từ đầu năm 2022 đến nay, chị H xác định hiện nay không còn tình cảm vợ chồng với anh H, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và chị H kiên quyết ly hôn với anh H. Quá trình giải quyết vụ án, anh H xác định không còn tình cảm với chị H, đồng ý ly hôn với chị H.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, yêu cầu của bị đơn và tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, HĐXX có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của chị H và anh H là trầm trọng do mâu thuẫn kéo dài và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, đời sống chung của vợ chồng thực tế không tồn tại, vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị H và anh H thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc H– sinh ngày 02/02/2020. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ vì cho rằng anh H đang làm bảo vệ cho công ty, lương mỗi tháng

10.000.000đ nhưng không cung cấp tài liệu để chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án, anh H thống nhất giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Tuy nhiên, anh H không đồng ý theo yêu cầu của chị H. Anh H chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng.

HĐXX xét: Cháu H còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, lâu nay do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tình cảm mẹ con gắn bó. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm sinh lý cho cháu, cần tiếp tục giao cháu H cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và đạo đức xã hội.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Để đảm bảo cho cuộc sống và phát triển toàn diện cho cháu H thì cần có mức cấp dưỡng phù hợp. Theo quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình thì khi quyết định mức cấp dưỡng nuôi con, cần phải căn cứ vào hai yếu tố đó là việc cấp dưỡng phải đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng và phải căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Căn cứ mức chi phí sinh hoạt, chăm sóc và sinh sống của cháu tại địa phương, căn cứ vào mức chi tiêu trung bình tại địa phương và mức thu nhập của anh H nên HĐXX chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng là phù hợp. Do đó, buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H 1.500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2023 cho đến khi có một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Chế Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tấn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc H– sinh ngày 02/02/2020 cho chị Chế Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/2023 cho đến khi có một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015

4. Về án phí: Chị Chế Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005629 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên

Bị đơn anh Nguyễn Tấn H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- UBND xã A;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*(Đã ký)***Trần Thị Diễm Huyền**